

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 09/CTPL ngày 20 tháng 03 năm 2024 của Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản Phước Lộc về việc chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án xây dựng công trình khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng mỏ cát Quảng Phú 4, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 77/TTr-STNMT ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công văn số 1005/STNMT-CCBVMT ngày 08 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản Phước Lộc, địa chỉ: Thôn Phú Thuận, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án xây dựng công trình khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng mỏ cát Quảng Phú 4, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án đầu tư: Xây dựng công trình khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng mỏ cát Quảng Phú 4, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến

khoáng sản.

1.4. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Phạm vi: Tại xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.
- Tổng diện tích của dự án: 6,1 ha, trong đó:
 - + Diện tích khu vực khai trường: 6,0 ha.
 - + Diện tích bãi tập kết cát: Khoảng 0,1 ha.
- Công suất khai thác: 18.000 m³ nguyên khối/năm tương đương 18.225 m³ nguyên khai/năm.

- Quy mô: Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản Phước Lộc

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc tái sử dụng nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.



2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký ban hành Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Krông Nô tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, CT;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- UBND huyện Krông Nô;
- Công ty TNHH MTV KTKS Phước Lộc;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT, NNTNMT(N).

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trọng Yên

VDP X.Y.

Phụ lục 1:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số phát sinh: Nước thải sinh hoạt.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải: Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động nấu ăn, tắm rửa và vệ sinh của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án được thu gom xử lý qua bể tự hoại và đưa vào giếng thấm bên trong khu vực bãi tập kết.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ tự thấm.

2.3. Vị trí xả nước thải: Ngăn cuối cùng của bể tự hoại tại xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Tọa độ vị trí xả nước thải (vị trí nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải): Tọa độ: X = 1360476, Y = 444418 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 180°30', múi chiếu 3⁰).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 0,48 m³/ngày (24 giờ).

- Phương thức xả nước thải: Theo chế độ tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: 24/24h.

- Chất lượng nước thải sau xử lý Quy chuẩn so sánh: QCVN 14-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ nhà vệ sinh của nhà ở công nhân được thu gom và xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn sau đó đi vào giếng thấm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Số cửa xả: 01

- Cấu tạo:

+ Vật liệu: Ống nhựa HDPE.



+ Kích thước cửa xả: $\Phi = 114$ mm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước thải về bể tự hoại. Bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao.

- Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thoát nước; hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng các chất bẩn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình hồ lắng của dự án không phải thực hiện vận hành thử nghiệm (Cở sơ khai thác cát xây dựng xây dựng (khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường) theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại (theo kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án sau xử lý bằng bể tự hoại sẽ thoát ra giếng thấm) có quy mô nhỏ nên không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Xây dựng hệ thống mương thu gom và thoát nước mưa xung quanh bãi chứa, tuyến giao thông kết nối mở với đường liên xã. Nước mưa được thu gom và dẫn về hồ lắng trong các bãi chứa sau đó thoát ra sông Krông Nô.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng quy định về xả thải.

Phụ lục 2:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn từ hoạt động của tàu ghe hút cát ở khai trường.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy xúc, ô tô vận chuyển ở bãi tập kết.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại khai trường và bãi tập kết.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tiếng ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung


- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động khai thác: Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị khai thác.
- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động vận chuyển:
 - + Đảm bảo mật độ cây xanh của cơ sở.
 - + Bảo dưỡng và đăng kiểm định kỳ xe vận chuyển cát.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường



2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không gây ảnh hưởng đến công nhân trong khu vực dự án và người dân gần khu vực dự án. 



Phụ lục 3:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số **12** /GPMT-UBND
ngày **13** tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)	Phương pháp xử lý ⁽ⁱ⁾	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang	160106	4	Phá dỡ - HR	Đã kí hợp đồng với đơn vị chuyên môn để thu gom xử lý
2	Hộp mực in	080204	0	TĐ - HR	
3	Giẻ lau máy	180201	17	Sơ chế - TĐ - HR	
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	150205	30	TC	
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng đựng dầu nhớt thải)	180103	3	Sơ chế - TĐ - HR	
6	Ắc quy chì thải	160112	0	Phá dỡ - Tẩy rửa - TC	
	Bao bì cứng thải bằng kim loại	150111	0	Sơ chế - TĐ - HR	
Tổng			54		

⁽ⁱ⁾ Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

Chất thải rắn sản xuất phát sinh trong quá trình khai thác cát, sỏi của dự án chủ yếu là tạp chất như sạn sỏi sau quá trình sàng lọc với khối lượng phát sinh nhỏ và không đều, ước tính khoảng 3 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để có biện pháp quản lý phù hợp.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh

Khối lượng phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân: Khoảng 8 kg/ngày, tương đương 1,92 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín và dán nhãn ghi rõ loại chất thải theo đúng quy định.

- Phòng lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Diện tích phòng lưu chứa: 12 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Được xây dựng kín tránh nắng, mưa; trang bị thiết bị phòng cháy, chữa cháy; trang bị vật liệu hấp thụ (cát) và xèng trong kho chứa để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại dạng lỏng đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Trên mỗi phương tiện, bố trí 1 thùng chứa rác nhỏ thể tích 10 lít; yêu cầu công nhân thu gom rác thải vào thùng chứa rác, tuyệt đối không vứt rác xuống sông, cuối ngày làm việc các giỏ rác được thu gom, vận chuyển vào bờ và tập kết tại khu vực điều hành dự án.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí thùng chứa rác tại khu vực bãi chứa, trạm bảo vệ, khu điều hành.

- Kích thước hố chôn rác thải sinh hoạt: 1m x 1m x 1m được rải vôi và men vi sinh thường xuyên.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

Kịp thời phối hợp với các đơn vị liên quan, chính quyền địa phương để kiểm tra, xác định nguyên nhân, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khi xảy ra tình huống sạt lở bờ sông hoặc có dấu hiệu bờ sông không ổn định.

Định kỳ 1 năm/lần tiến hành đo vẽ diễn biến sạt lở bờ sông và dự báo các nguy cơ sạt lở để nhanh chóng có biện pháp ứng phó.

Thực hiện gia cố, kè bờ sông tại các vị trí sạt lở khi xảy ra sự cố.

Vị trí sạt lở cần khắc phục:

- Đoạn 1: Chiều dài 100 m có toạ độ điểm đầu X : 1360451 ; Y: 444910 , điểm cuối X:1360495; Y: 444992 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Đoạn 2: Chiều dài 200 m , có toạ độ điểm đầu X: 1360473; Y: 445608, điểm cuối X: 1360282; Y: 445653 (theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định 23/2020/NĐ-CP ngày 24/2/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, Khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. ✓

Phụ lục 4:
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 12/GPMT-UBND
ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Thực hiện phương án cải tạo phục hồi môi trường của dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng tại mỏ cát Quảng Phú 4, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông với công suất khai thác 18.000 m³/năm của Công ty TNHH MTV khai thác khoáng sản Phước Lộc.

Sau khi hoàn thành các nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường, chủ dự án cần tiến hành giám định để kiểm tra khối lượng, chất lượng các công trình cải tạo, phục hồi môi trường đã được thực hiện so với nội dung của phương án đã được phê duyệt.

Sau khi kết thúc khai thác theo Giấy phép được cấp, chủ dự án lập hồ sơ đóng cửa mỏ theo đúng quy định của Luật Khoáng sản trình thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Chủ dự án thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết. Chủ dự án cần tiếp tục tiến hành giám sát hiện trạng môi trường, các công trình cải tạo, phục hồi môi trường trong vòng 1 năm sau khi kết thúc khai thác. Trong quá trình đó, Chủ dự án phải hoàn thành các thủ tục để đóng cửa mỏ và bàn giao lại các công trình cải tạo, phục hồi môi trường cho địa phương giám sát và quản lý.

Phối hợp với người dân và chính quyền địa phương tại khu mỏ của dự án trong việc thực hiện giám sát, theo dõi đánh giá diễn biến sạt lở đường bờ và các rủi ro, sự cố môi trường có thể xảy ra.

Các công trình cải tạo, phục hồi môi trường; khối lượng công việc thực hiện theo từng giai đoạn và toàn bộ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng tại mỏ cát Quảng phú 4 xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

*** Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ**

- Kinh phí thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường là: 451.786.000 đồng theo Quyết định số 1679/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng tại mỏ cát Quảng phú 4, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- Thời điểm ký quỹ: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ bảo vệ Môi trường và Phát triển đất tỉnh Đắk Nông.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng; hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

3. Quản lý các chất thải, tiếng ồn phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố môi trường xảy ra do quá trình khai thác.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

10. Thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đúng, đủ, đảm bảo về thời gian theo phương án cải tạo phục hồi môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

11. Đảm bảo đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, cải tạo phục hồi môi trường và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi

trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.

